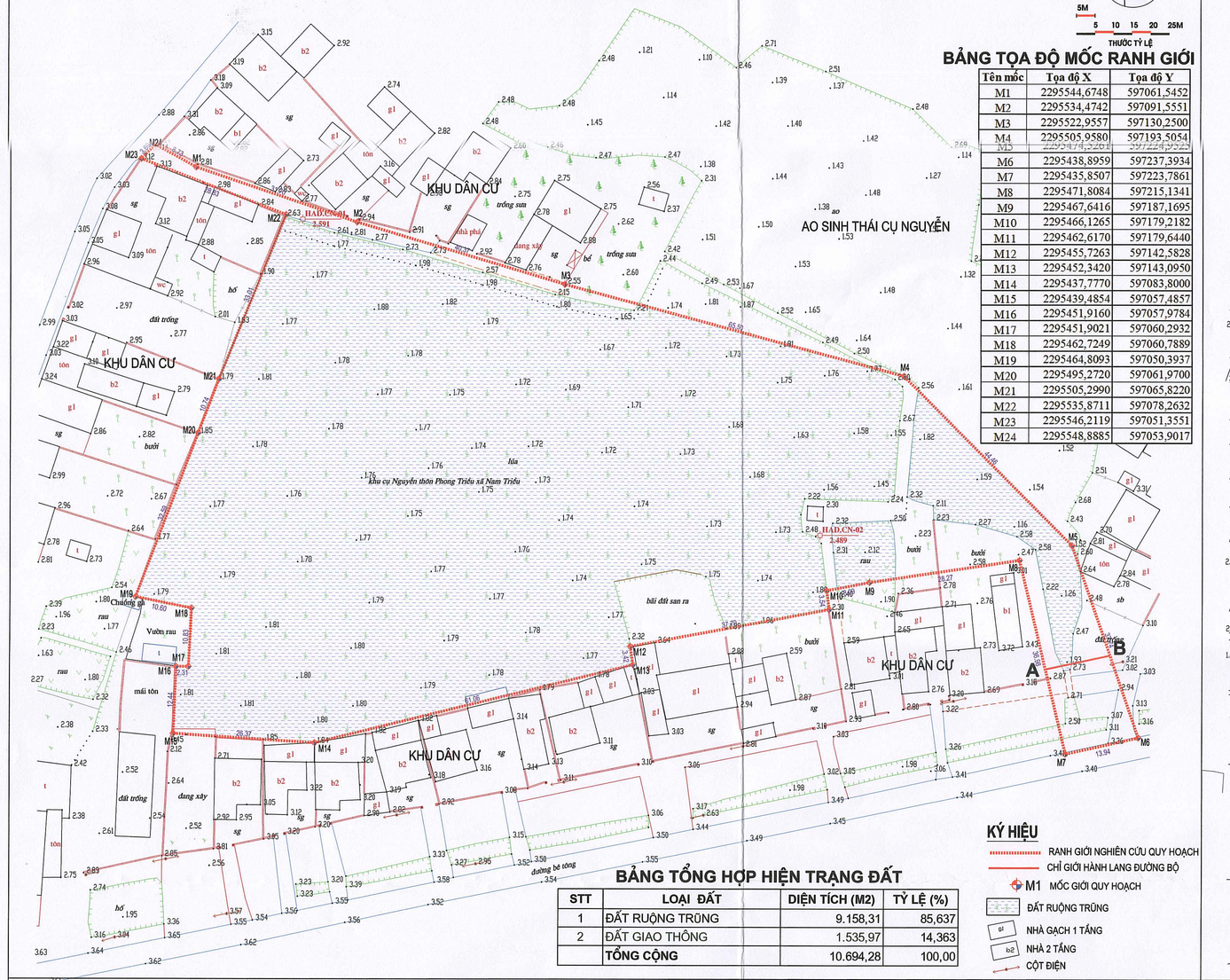
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG TỶ LỆ 1/500
DỰ ÁN: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU CỤ NGUYỄN, THÔN PHONG TRIỀU, XÃ NAM TRIỀU (NAY LÀ XÃ PHÚ XUYÊN)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚ XUYÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG VÀ CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ
TỶ LỆ : 1/500



THƯỚC TỶ LỆ 5M 0 5 10 15 20 25M

BẢNG TỌA ĐỘ MỐC RANH GIỚI

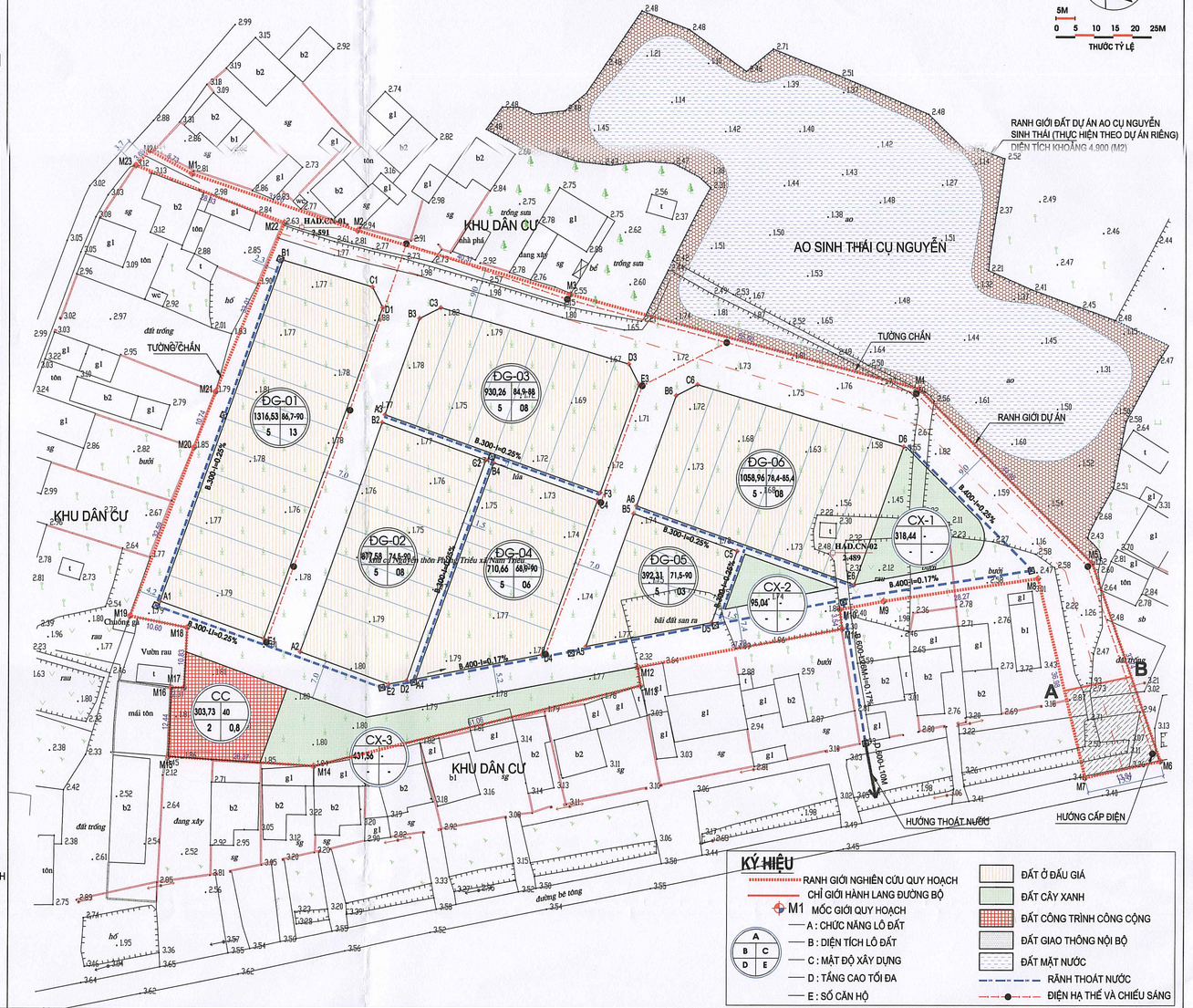
Tên mốc	Tọa độ X	Tọa độ Y
M1	2295544,6748	597061,5452
M2	2295534,4742	597091,5551
M3	2295522,9557	597130,2500
M4	2295505,9580	597193,5054
M5	2295475,2681	597284,0000
M6	2295438,8959	597237,3934
M7	2295435,8507	597223,7861
M8	2295471,8084	597215,1341
M9	2295467,6416	597187,1695
M10	2295466,1265	597179,2182
M11	2295462,6170	597179,6440
M12	2295455,7263	597142,5828
M13	2295452,3420	597143,0950
M14	2295437,7770	597083,8000
M15	2295439,4854	597057,4857
M16	2295451,9160	597057,9784
M17	2295451,9021	597060,2932
M18	2295462,7249	597060,7889
M19	2295464,8093	597050,3937
M20	2295495,2720	597061,9700
M21	2295505,2990	597065,8220
M22	2295535,8711	597078,2632
M23	2295546,2119	597051,3551
M24	2295548,8885	597053,9017

BẢNG TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ (%)
1	ĐẤT RUỘNG TRŨNG	9.158,31	85,637
2	ĐẤT GIAO THÔNG	1.535,97	14,363
	TỔNG CỘNG	10.694,28	100,00

KÝ HIỆU
- RANH GIỚI NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH
- CHỈ GIỚI HÀNH LANG ĐƯỜNG BỘ
- M1 MỐC GIỚI QUY HOẠCH
- ĐẤT RUỘNG TRŨNG
- NHÀ 1 TẦNG
- NHÀ 2 TẦNG
- CỘT ĐIỆN

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
TỶ LỆ : 1/500



THƯỚC TỶ LỆ 5M 0 5 10 15 20 25M

KÝ HIỆU
- RANH GIỚI NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH
- CHỈ GIỚI HÀNH LANG ĐƯỜNG BỘ
- M1 MỐC GIỚI QUY HOẠCH
- A : CHỨC NĂNG LÔ ĐẤT
- B : DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT
- C : MẬT ĐỘ XÂY DỰNG
- D : TẦNG CAO TỐI ĐA
- E : SỐ CĂN HỘ
- ĐẤT Ở ĐẤU GIÁ
- ĐẤT CÂY XANH
- ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
- ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ
- ĐẤT MẶT NƯỚC
- RÃNH THOÁT NƯỚC
- ĐIỆN HẠ THẾ VÀ CHIẾU SÁNG

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- LUẬT XÂY DỰNG SỐ 135/2025/QH15 NGÀY 10/12/2025;
- LUẬT THỦ ĐÔ SỐ 02/2026/QH16 NGÀY 23/4/2026 CỦA QUỐC HỘI;
- LUẬT ĐẤT ĐAI SỐ 31/2024/QH15 NGÀY 18/01/2024 CỦA QUỐC HỘI;
- LUẬT QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN SỐ 47/2024/QH15 NGÀY 26/11/2024 CỦA QUỐC HỘI; LUẬT SỐ 144/2025/QH15 NGÀY 11/12/2025 CỦA QUỐC HỘI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN;
- LUẬT SỐ 35/2018/QH14 NGÀY 20/11/2018 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 37 LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN LUẬT QUY HOẠCH;
- NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2025/NĐ-CP NGÀY 01/7/2025 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN;
- NGHỊ QUYẾT SỐ 1286/NQ-UBTVQH15 NGÀY 14/11/2024 CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI VỀ VIỆC SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2023-2025;
- THÔNG TƯ SỐ 16/2025/TT-BXD NGÀY 30/6/2025 CỦA BỘ XÂY DỰNG QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN; SỐ 03/2025/TTT-BXD NGÀY 08/12/2025 CỦA BỘ XÂY DỰNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 16/2025/TT-BXD NGÀY 30/6/2025;
- QUYẾT ĐỊNH SỐ 1668/QĐ -TTG NGÀY 27/12/2024 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI ĐẾN NĂM 2045 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2065;
- QUYẾT ĐỊNH SỐ 38/2026/QĐ-UBND NGÀY 31/3/2026 CỦA UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI VỀ VIỆC QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ QUẢN LÝ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN, KIẾN TRÚC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI;
- QUYẾT ĐỊNH SỐ 5517/QĐ-UBND NGÀY 20/10/2015 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH CHUNG HUYỆN PHÚ XUYÊN ĐẾN NĂM 2030, TỶ LỆ 1/10.000;
- QUYẾT ĐỊNH SỐ 1185/QĐ-UBND NGÀY 16/5/2018 CỦA UBND HUYỆN PHÚ XUYÊN VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ NAM TRIỀU, HUYỆN PHÚ XUYÊN ĐẾN NĂM 2025;
- CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI: SỐ 27/2020/QĐ-UBND NGÀY 18/11/2020 VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ GIAO ĐẤT CÓ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HOẶC CHO THUÊ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI; SỐ 24/2022/QĐ-UBND NGÀY 03/6/2022 VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA BẢN QUY ĐỊNH BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 27/2020/QĐ-UBND NGÀY 18/11/2020; SỐ 04/2024/QĐ-UBND NGÀY 19/01/2024 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY ĐỊNH VỀ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÓ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HOẶC CHO THUÊ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI;
- QUYẾT ĐỊNH SỐ 61/2025/QĐ-UBND NGÀY 26/9/2025 CỦA UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI VỀ PHÂN CẤP VÀ QUY Đ ỊNH THẨM QUYỀN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC MỘT SỐ LĨNH VỰC KINH TẾ- XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI ;
- QUYẾT ĐỊNH SỐ 4603/QĐ-UBND NGÀY 12/11/2019 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN: XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở KHU CỤ NGUYỄN THÔN PHONG TRIỀU, XÃ NAM TRIỀU, HUYỆN PHÚ XUYÊN, TP HÀ NỘI;
- BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG KHU ĐẤT TỶ LỆ 1/500 DO CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐO VẼ HAD ĐO VẼ THEO HỆ TỌA ĐỘ QUỐC GIA VN. 2000 LẬP NĂM 2020 ĐÃ ĐƯỢC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN NGÀY 20/3/2020;
- BẢN VẼ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG ĐIỀU CHỈNH ĐÃ ĐƯỢC UBND HUYỆN PHÚ XUYÊN CHẤP THUẬN (KÈM THEO VĂN BẢN SỐ 1448/UBND-QLĐT NGÀY 31/7/2023);
- VĂN BẢN SỐ 2122A/UBND-QLDA NGÀY 06/10/2026; SỐ 2175/UBND-QLDA NGÀY 13/10/2026 CỦA UBND XÃ PHÚ XUYÊN VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ VÀ GIÁ KHỞI ĐIỂM, BƯỚC GIÁ DỰ ÁN.

2. CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ MỚI_ICT ĐỀ XUẤT

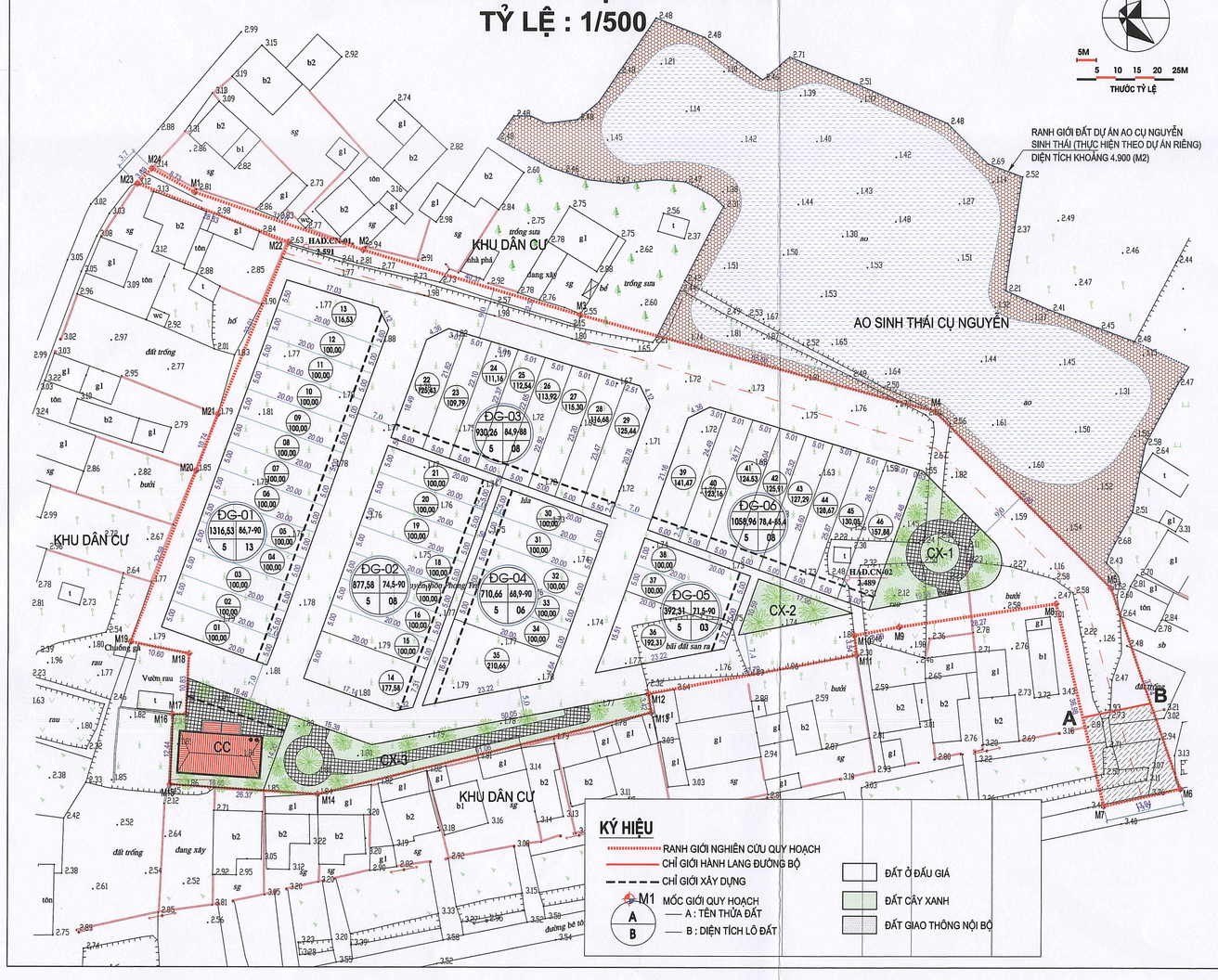
2.1. GIỚI HẠN VÀ VỊ TRÍ KHU ĐẤT NGHIÊN CỨU:
- KHU ĐẤT NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỒNG BỘ KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT VỚI DIỆN TÍCH KHOẢNG 10.694,28M2, VỊ TRÍ NHƯ SAU:
  + PHÍA ĐÔNG GIÁP AO CỤ NGUYỄN SINH THÁI VÀ KHU DÂN CƯ
  + PHÍA TÂY GIÁP KHU DÂN CƯ
  + PHÍA NAM GIÁP KHU DÂN CƯ
  + PHÍA BẮC GIÁP AO CỤ NGUYỄN SINH THÁI VÀ KHU DÂN CƯ

2.2. CÁC CHỈ TIÊU QUY HOẠCH KIẾN TRÚC ĐỀ XUẤT:
- TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT KHOẢNG: 10.694,28M2 GIỚI HẠN BỞI CÁC MỐC M1,M2,M3...M23,M24 VÀ M1
- DIỆN TÍCH ĐẤT Ở ĐẤU GIÁ KHOẢNG: 5.286,3M2 (CHIẾM TỶ LỆ 49,43%, BÌNH QUÂN 28,74M2/1 NGƯỜI)
- DIỆN TÍCH ĐẤT CÂY XANH KHOẢNG: 845,04M2 (CHIẾM TỶ LỆ 7,9%,BÌNH QUÂN 4,59M2/1 NGƯỜI)
- DIỆN TÍCH ĐẤT CÔNG CỘNG KHOẢNG: 303,73M2 (CHIẾM TỶ LỆ 2,84%,BÌNH QUÂN 1,65M2/1 NGƯỜI)
- DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO THÔNG- HTKT KHOẢNG: 4.259,21M2 (CHIẾM TỶ LỆ 39,83%, BÌNH QUÂN 23,14M2/1 NGƯỜI)
- TẦNG CAO TỐI ĐA: 05 TẦNG

3. GHI CHÚ:

- KHI TRIỂN KHAI THI CÔNG VÀ SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH KHÔNG ĐƯỢC LÀM ẢNH HƯỞNG TỚI HẠ TẦNG KỸ THUẬT CHUNG, PHẢI ĐẢM BẢO HỆ THỐNG TIÊU THOÁT NƯỚC CHUNG CHO TOÀN KHU VỰC;
- CÁC MỐC GIỚI ĐƯỢC XÁC ĐỊNH BẰNG TỌA ĐỘ;
- KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ TÍNH BẰNG MÉT (M), CHỈ DÙNG ĐỂ KIỂM TRA, KHÔNG DÙNG ĐỂ CẮM MỐC;

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CHIA LÔ
TỶ LỆ : 1/500



THƯỚC TỶ LỆ 5M 0 5 10 15 20 25M

KÝ HIỆU
- RANH GIỚI NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH
- CHỈ GIỚI HÀNH LANG ĐƯỜNG BỘ
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- M1 MỐC GIỚI QUY HOẠCH
- A : TÊN THỬA ĐẤT
- B : DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT
- ĐẤT Ở ĐẤU GIÁ
- ĐẤT CÂY XANH
- ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ

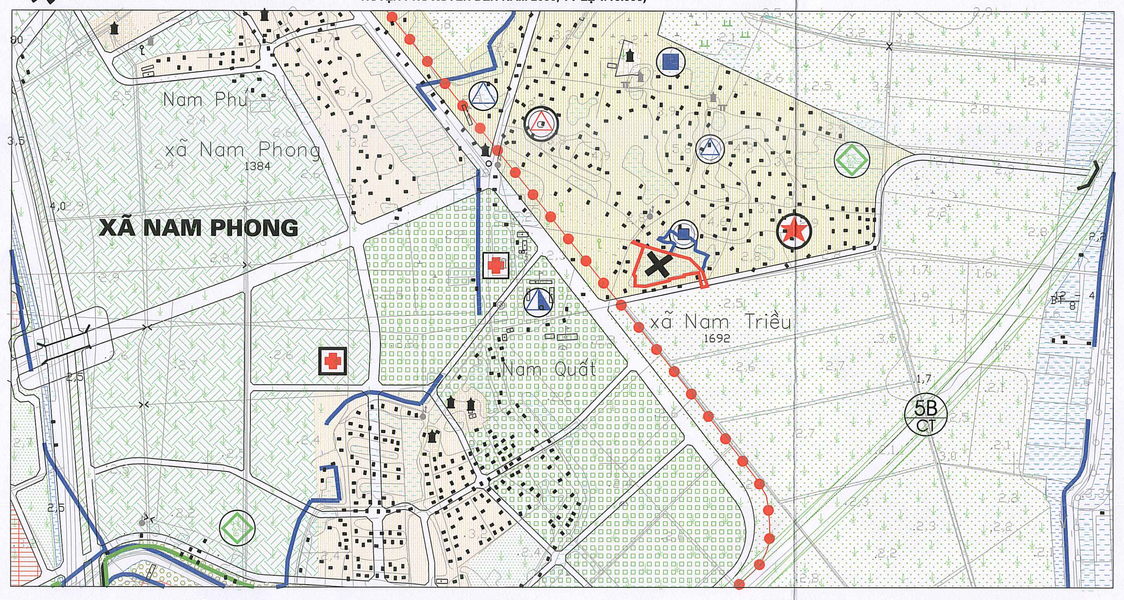
BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT CHIA LÔ

KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	TÊN THỬA ĐẤT	DIỆN TÍCH (m2)	SỐ THỬA ĐẤT (thửa)	MẬT ĐỘ XD (%)	TẦNG CAO TỐI ĐA (tầng)	HỆ SỐ SDĐ (lần)	DIỆN TÍCH XD (m2)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN (m2)
LÔ ĐG-01		**1316,53**	**13**				**1.181,02**	**5.905,12**
	01	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	02	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	03	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	04	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	05	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	06	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	07	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	08	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	09	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	10	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	11	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	12	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	13	116,53	1	86,7	5	4,33	101,02	505,12
LÔ ĐG-02		**877,58**	**8**				**762,27**	**3.811,34**
	14	177,58	1	74,5	5	3,72	132,27	661,34
	15	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	16	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	17	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	18	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	19	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	20	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	21	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
LÔ ĐG-03		**930,26**	**8**				**806,43**	**4.032,13**
	22	125,43	1	84,9	5	4,25	106,51	532,54
	23	109,79	1	88,0	5	4,40	96,66	483,31
	24	111,16	1	87,8	5	4,39	97,56	487,81
	25	112,54	1	87,5	5	4,37	98,46	492,32
	26	113,92	1	87,2	5	4,36	99,36	496,78
	27	115,30	1	86,9	5	4,35	100,24	501,21
	28	116,68	1	86,7	5	4,33	101,12	505,60
	29	125,44	1	84,9	5	4,25	106,51	532,57
LÔ ĐG-04		**710,66**	**6**				**595,22**	**2.976,08**
	30	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	31	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	32	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	33	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	34	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	35	210,66	1	68,9	5	3,45	145,22	726,08
LÔ ĐG-05		**392,31**	**3**				**317,57**	**1.587,87**
	36	192,31	1	71,5	5	3,58	137,57	687,87
	37	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
	38	100,00	1	90,0	5	4,50	90,00	450,00
LÔ ĐG-06		**1058,96**	**8**				**882,57**	**4.412,87**
	39	141,47	1	81,7	5	4,09	115,59	577,95
	40	123,16	1	85,4	5	4,27	105,14	525,70
	41	124,53	1	85,1	5	4,25	105,97	529,84
	42	125,91	1	84,8	5	4,24	106,79	533,97
	43	127,29	1	84,5	5	4,23	107,61	538,07
	44	128,67	1	84,3	5	4,21	108,43	542,13
	45	130,05	1	84,0	5	4,20	109,23	546,14
	46	157,88	1	78,4	5	3,92	123,82	619,08
		5286,30	**46**				**4.545,08**	**22.725,41**

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ KHU ĐẤT

(TRÍCH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 5517/QĐ-UBND NGÀY 20/10/2015 CỦA UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH CHUNG HUYỆN PHÚ XUYÊN ĐẾN NĂM 2030, TỶ LỆ 1/10.000)

VỊ TRÍ Ô ĐẤT DỰ KIẾN XÂY DỰNG



BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Loại đất- chức năng	Diện tích đất (m2)	Tầng cao tối đa (tầng)	Mật độ Xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Tỷ lệ (%)	Số thửa đất	Diện tích xây dựng (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)
1	**Đất ở đấu giá**	**5.286,30**				**49,43**	**46**	**4.545,08**	**22.725,41**
1.1	Lô ĐG-01	1.316,53	5	86,7÷90	≤ 5		13	1.181,02	5.905,12
1.2	Lô ĐG-02	877,58	5	74,5÷90	≤ 5		8	762,27	3.811,34
1.3	Lô ĐG-03	930,26	5	84,9÷88	≤ 5		8	806,43	4.032,13
1.4	Lô ĐG-04	710,66	5	68,9÷90	≤ 5		6	595,22	2.976,08
1.5	Lô ĐG-05	392,31	5	71,5÷90	≤ 5		3	317,57	1.587,87
1.6	Lô ĐG-06	1.058,96	5	78,4÷85,4	≤ 5		8	882,57	4.412,87
2	**Đất cây xanh**	**845,04**				**7,90**			
2.1	Lô CX-01	318,44							
2.2	Lô CX-02	95,04							
2.3	Lô CX-03	431,56							
3	**Đất công cộng**	**303,73**				**2,84**			
3.1	Lô CC	303,73	2	40	0,80				
4	**Đất giao thông- HTKT**	**4.259,21**				**39,83**			
5	**Tổng cộng (1+2+3+4)**	**10.694,28**				**100**			

BẢNG TỌA ĐỘ SỬ DỤNG ĐẤT

	Tên lô đất, tên cọc	Tọa độ X	Tọa độ Y		Tên lô đất, tên cọc	Tọa độ X	Tọa độ Y
LÔ ĐG-01	A1	2295467,474	597055,854	LÔ ĐG-04	A4	2295453,520	597102,374
	B1	2295529,128	597077,969		B4	2295492,515	597116,362
	C1	2295447,327	597069,875		C4	2295485,763	597135,188
	D1	2295520,590	597096,154		D4	2295457,865	597125,181
	E1	2295460,722	597074,680		A5	2295459,386	597133,163
LÔ ĐG-02	A2	2295458,358	597081,269	LÔ ĐG-05	B5	2295483,399	597141,777
	B2	2295499,775	597096,125		C5	2295476,647	597160,602
	C2	2295493,022	597114,950		D5	2295463,732	597155,970
	D2	2295453,194	597100,664		A6	2295484,811	597142,283
	E2	2295452,572	597097,401		B6	2295504,731	597149,428
LÔ ĐG-03	A3	2295501,186	597096,631	LÔ ĐG-06	C6	2295506,699	597153,317
	B3	2295518,589	597102,874		D6	2295495,554	597190,757
	C3	2295520,557	597106,762		E6	2295470,631	597181,817
	D3	2295510,411	597140,847				
	E3	2295506,731	597142,709				
	F3	2295487,175	597135,694				

CƠ QUAN CHẤP THUẬN
UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ XUYÊN
THEO QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN SỐ 9469/Q Đ-UBND NGÀY 28/10/2026
CHỦ TỊCH
Bùi Công Thắn

CƠ QUAN KIỂM TRA
PHÒNG HẠ TẦNG- NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ PHÚ XUYÊN
THEO BÁO CÁO KIỂM TRA SỐ 04/BC-HTNMMT NGÀY 27 /10/2026
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Văn Hải

CHỦ ĐẦU TƯ- CƠ QUAN LẬP QUY HOẠCH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ- HẠ TẦNG XÃ PHÚ XUYÊN
THEO TỜ TRÌNH SỐ 03/TTTR-BQLDA NGÀY 28/10/2026
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Tới

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU CỤ NGUYỄN THÔN PHONG TRIỀU, XÃ NAM TRIỀU (NAY LÀ XÃ PHÚ XUYÊN)

ĐỊA ĐIỂM : XÃ PHÚ XUYÊN- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG

BẢN VẼ: QH-01	GHIẾP: 01 A0	TỶ LỆ: 1/500	THÁNG 10/2026
THỂ HIỆN	KTS. TRƯƠNG THỊ THU HIỀN		
THIẾT KẾ	KTS. TRƯƠNG THỊ THU HIỀN		
CHỦ TRÌ	KTS.NGUYỄN ĐÌNH CẢNH		
Q.L. KỸ THUẬT	KTS.PHAN KẾ CHÍNH		
GIÁM ĐỐC	KS.NGUYỄN THỊ THẮM		

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ MỚI_ICT
ICT_NEW TECHNOLOGY CONSTRUCTION INVESTMENT CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY
TRỤ SỞ CHÍNH: SỐ 216 TỔ 12 PHƯỜNG PHÚ LƯƠNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TEL/FAX : 0243.2207574 EMAIL: ICT2007DESIGN@GMAIL.COM ICTNGUYENDANHHIEN@YAHOO.COM